***Ngày soạn:***

***Ngày dạy:***

***Tuần 1 -Tiết 4***

**GIAO TIẾP, VĂN BẢN VÀ PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT**

**I.MỤC TIÊU**

**1.Kiến thức**:

- Học sinh nắm được mục đích giao tiếp trong đời sống con người và xã hội.

- Hiểu được khái niệm văn bản, mục đích giao tiếp, phương thức biểu đạt (6 phương thức biểu đạt cơ bản).

**2. Kĩ năng:** Rèn luyện kĩ năng nhận định đúng các kiểu văn bản.

**3. Thái độ:** Tự tin trong giao tiếp và các phương thức biểu đạt.

**4. Năng lực:**

**4. Năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, thẩm mỹ, giao tiếp, hợp tác, công nghệ thông tin và truyền thông, cảm thụ, sử dụng ngôn ngữ

\* Năng lực riêng:

-Đọc, tự nhận thức, phát hiện vấn đề. Nhận định đúng kiểu văn bản

- Vận dụng trong đúng trong giao tiếp và thực hành

**II.CHUẨN BỊ :**

***1. Giáo viên:*** - Đọc sách tham khảo, thiết kế giáo án, bài giảng; chuẩn bị đồ dùng (máy chiếu, bảng phụ,…)

***2. Học sinh****:*

- Xem trước bài

- Chuẩn bị nội dung được phân công

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

***1.Ổn định tổ chức*** (1 Phút)

***2.Kiểm tra bài cũ***: lồng ghép trong tiết học

***3.Bài mới*** (44 phút)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** | ***Nội dung cần đạt*** |
| **A.HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** (Thời gian: 5 phút) |
| - Một nhóm trình chiếu các dạng văn bản: Câu chuyện, thơ, đơn từ,...?Đặt tên cho các dạng văn bản đó.->GV nhận xét phần chuẩn bị của nhóm trình chiếu và phần trả lời của các nhóm còn lại**-> GV dẫn vào bài:***Trong đời sống xã hội, quan hệ giữa người với người thì giao tiếp đóng một vai trò rất quan trọng. Và ngôn ngữ chính là phương tiện hữu hiệu nhất, quan trọng nhất trong quá trình giao tiếp. Qua quá trình giao tiếp sẽ hình thành các kiểu văn bản khác nhau.* *Chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay.* | -Chia lớp làm 4 nhómThi tìm nhanh tên các văn bản được chiếu.Lắng nghe |  |
| **B.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** (Thời gian:25 phút) |
| ***HĐ1: Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về văn bản và phương thức biểu đạt****Tìm hiểu VD1a*? Trong đời sống, khi có một tư tưởng tình cảm, nguyện vọng (VD: muốn khuyên nhủ người khác một điều gì, có lòng yêu mến bạn, muốn tham gia một hoạt động do nhà trường tổ chức…) mà cần biểu đạt cho mọi người hay ai đó biết, thì em làm thế nào?*Tìm hiểu VD 1b*?: Khi muốn biểu đạt tư tưởng, tình cảm, nguyện vọng ấy một cách đầy đủ, trọn vẹn cho người khác hiểu, thì em phải làm như thế nào?*Tìm hiểu VD 1c*?: Câu ca dao này được sáng tác để làm gì??: Nó muốn nói lên vấn đề gì? (chủ đề gì?)(Chí: chí hướng, hoài bão, lí tưởng)?: Hai câu thơ liên kết với nhau như thế nào? (về luật thơ và về ý ?)?: Câu ca dao đã diễn đạt trọn vẹn một ý chưa? Theo em có thể coi câu ca dao là một văn bản chưa??: Lời phát biểu của thầy cô hiệu trưởng trong ngày lễ khai giảng năm học có phải là một văn bản không? Vì sao??: Bức thư em viết cho bạn bè hay người thân có phải là một văn bản không??: Những đơn xin học, bài thơ, truyện cổ tích (kể miệng hay được chép lại), câu đối, thiếp mời dự đám cưới…có phải đều là văn bản không? hãy kẻ thêm những văn bản mà em biết.?: Thế nào là giao tiếp??: Thế nào là văn bản?->GV nhận xét câu trả lời và chốt lại kiến thức cần nhớ? Căn cứ vào đâu để phân loại văn bản?GV gọi HS điền vào bảng? Theo em có mấy kiểu văn bản thường gặp?GV chốt lại vấn đề, gọi HS đọc ghi nhớ***Bài tập(SGK/17)***Lựa chọn kiểu văn bản và phương thức biểu đạt đúng cho các tình huống. | HS trả lời cá nhânThảo luận nhanh theo bàn, đưa ra nhận xét-Chia lớp làm 4 nhóm, thảo luận tìm ý trả lời cho các ý hỏi của phần (c)HS trả lời cá nhânHS trả lời cá nhân-HS thảo luận theo bàn để đưa ra nhận xétLắng nghe, ghi chép-Chia lớp làm 4 nhóm HS các nhóm thảo luận và điền vào bảng, trả lờiHS trả lờiHS đọc ghi nhớ-Thi trả lời nhanh | **I. Tìm hiểu chung về văn bản và phương thức biểu đạt*****1. Văn bản và mục đích giao tiếp***.- Phải giao tiếp ( bằng cách nói hoặc viết)VD: Tôi muốn đá bóng. Tôi buồn quá!- Phải tạo lập một văn bản ( nói có đầu, có đuôi, mạch lạc, rõ ràng, lí lẽ)- Ai ơi giữ chí cho bềnDù ai xoay hướng đổi nền mặc ai🡪 một lời khuyên- Chủ đề: giữ chí cho bền ( không dao động khi có người khác tác động thay đổi chí hướng).- Vần là yếu tố liên kết (bền, nền). Liên kết ý: Quan hệ nhượng bộ ( Dù - nhưng), mạch lạc, câu sau làm rõ ý câu trước.- câu ca dao đã diễn đạt trọn vẹn một ý 🡪 văn bản- Lời phát biểu cũng là văn bản, vì là chuỗi lời, có chủ đề ( xuyên suốt, tạo thành mạch lạc của văn bản, có các hình thức liên kết với nhau)- Bức thư là văn bản viết, có thể thức, chủ đề xuyên suốt là thông báo tình hình và quan tâm tới người nhận thư.- Các thiếp mời, đơn xin đều là văn bản, vì chúng có mục đích, yêu cầu thông tin và có thể thức nhất định.***\* Nhận xét:***- Giao tiếp: Hoạt động truyền đạt, tiếp nhận tư tưởng, tình cảm bằng phương tiện ngôn từ.- Văn bản: chuỗi lời nói miệng hay bài viết có chủ đề thống nhất, có liên kết, mạch lạc, vận dụng phương thức biểu đạt phù hợp để thực hiện mục đích giao tiếp.**2. Kiểu văn bản và phương thức biểu đạt**- Tuỳ thuộc vào mục đích giao tiếp cụ thể mà người ta chia thành các kiểu văn bản với phương thức biểu đạt phù hợp.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Kiểu văn bản, phương thức biểu đạt* | *Mục đích giao tiếp* | *Ví dụ* |  |
| **Tự sự** | Trình bày diễn biến sự việc | Truyện Tấm Cám,… |  |
| **Miêu tả** | Tái hiện trạng thái sự vật, conngười | Tả người, tả vật,… |  |
| **Biểu cảm** | Bày tỏ tình cảm, cảm xúc | Thơ, văn(Lượm,..) |
| nghị luận | Nêu ý kiến dánh giá bàn luận | Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ -> hàm ý nghị luận |  |
| Thuyết minh | Giới thiệu đặc điểm, tính chất, phương pháp | Giới thiệu, về áo dái. Nón lá Việt Nam |  |
| Hành chính – công vụ | Trình bày ý muốn, quyết định nào đó, thể hiện quyền hạn trách nhiệm giữa người và người | Giấy mới, thiếp cưới, đơn từ… |  |

- Có 6 kiểu: tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, hành chính-công vụ.*\* Ghi nhớ (SGK)*Bài tập tình huống:-hành chính công vụ- Tự sự- Miêu tả- Thuyết minh- Biểu cảm- Nghị luận |
| **C.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (Thời gian: 10 phút) |
| **Bài tập 1:**-Gv chiếu các văn bản lên máy chiếu, cả lớp quan sát, đọc và tìm ra phương thức biểu đạtc ho từng văn bản-GV nhận xét, chốt đáp án**Bài tập 2:** GV yêu cầu HS đọc đề bài, xác định yêu cầu | Thi tìm nhanh tên phương thức biểu đạt của các văn bảnSuy nghĩ, thaot luận theo bàn tìm câu trả lời | **II. Luyện tập****Bài tập 1.** a. Phương thức tự sựb. Phương thức miêu tảc. Phương thức nghị luậnd. Phương thức biểu cảmc. Phương thức thuyết minh**Bài tập 2.** - Truyện Con Rồng, Cháu Tiên thuộc văn bản tự sự ( vì kể về việc Lạc Long Quân và Âu Cơ sinh ra các vua Hùng). |
| **D.HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (Thời gian: 3 phút) |
| ? Theo em, trong thực tế giao tiếp, cuộc nói chuyện hàng ngày của em với các bạn có phải là một văn bản không? | Suy nghĩ, phát biểu ý kiến cá nhân |  |
| **E.HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI** (Thời gian: 2 phút) |
| ? Các văn bản: Con Rồng cháu Tiên, Bánh chưng bánh giày theo kiểu văn bản và phương thức biểu đạt gì?* Chuẩn bị bài tiếp theo: Thánh Gióng
 | Lắng nghe, thực hiện |  |

**\*RÚT KINH NGHIỆM:**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................